

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
ĐƠN VỊ: KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 3, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	Viết tiếng Trung sơ cấp 3		
Mã học phần:	71MAW340152	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	71K29DPHT01		
Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>60</b>	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

**Cách thức nộp bài phân tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):**

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1

+ Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1\_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

**II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO**

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường
-------------	--------------	--------------------	--	----------------	----------------	----------------------

						<b>mức đạt PLO/PI</b>
<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>	<b>(4)</b>	<b>(5)</b>	<b>(6)</b>	<b>(7)</b>
<b>CLO1</b>	Vận dụng chính xác các cấu trúc ngữ pháp mô tả về động tác để diễn đạt động tác sắp xảy ra, đang xảy ra và đã xảy ra.	Trắc nghiệm	20%	1	2	PI 3.1
<b>CLO2</b>	Vận dụng chính xác bổ ngữ xu hướng dạng phức hợp và bổ ngữ trạng thái để biểu đạt hướng thực hiện của hành động; nhận xét đánh giá một hành động.	Trắc nghiệm	20%	1	2	PI 3.2
<b>CLO3</b>	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp trọng điểm để viết câu hoàn chỉnh bằng tiếng Trung.	Tự luận	30%	2	3	PI 7.2
<b>CLO4</b>	Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp đã học để viết 1 đoạn văn bằng tiếng Trung tầm 100 chữ Hán với chủ đề cho sẵn.	Tự luận	30%	3	3	PI 7.3

### **Chú thích các cột:**

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm

CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

### III. Nội dung câu hỏi thi

#### PHẦN TRẮC NGHIỆM (10 câu hỏi + mỗi câu 0.2 điểm)

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: 我们一般先去教堂参加活动，然后\_\_\_\_\_家一起吃晚饭。

- A. 全
- B. 所有
- C. 所
- D. 人

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: 我\_\_\_\_\_你打了两个电话，你都没接。

- A. 给
- B. 打
- C. 在
- D. 从

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: 我喜欢跳舞，\_\_\_\_\_跳得不太好。

- A. 但是
- B. 为了
- C. 因为
- D. 要是

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: \_\_\_\_\_不迟到，我买了一个闹钟。

- A. 为了
- B. 因为
- C. 所以
- D. 但是

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: 小姑娘\_\_\_\_\_所有的辣椒都卖出去了。

- A. 把
- B. 给

- C. 拿
- D. 送

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: 下课了, 大家站\_\_\_\_, 有的走了出去。

- A. 起来
- B. 上去
- C. 上来
- D. 过来

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: 还没考完试, 他的心早就飞回家\_\_\_\_了。

- A. 去
- B. 来
- C. 走
- D. 到

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: 她穿\_\_\_\_一件漂亮的新衣服。

- A. 着
- B. 一
- C. 穿
- D. 一穿

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: 你看\_\_\_\_中国电影没有?

- A. 过
- B. 了
- C. 着
- D. 看

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: 他唱歌唱\_\_\_\_很好听。

- A. 得
- B. 的
- C. 地
- D. 唱

ANSWER: A

### PHẦN TỰ LUẬN (3 câu hỏi, 8 điểm)

**Câu hỏi 1: Sắp xếp thành câu hoàn chỉnh (2 điểm, mỗi câu 0.4 điểm)**

1.1 玩儿            在附近            一玩儿            我想

- 1.2 一直玩儿到 大家 才结束 十一点多  
 1.3 领 老师 一个新同学 进来  
 1.4 一辆 停着 门口 出租车  
 1.5 地图 墙上 一幅 挂着

**Câu hỏi 2: Đặt câu với từ và cụm từ cho sẵn: (3 điểm, mỗi câu 0.6 điểm)**

- 2.1 写得:.....  
 2.2 去过: .....  
 2.3 出去: .....  
 2.4 骑车: .....  
 2.5 有的人: .....

**Câu hỏi 3: Viết 1 đoạn văn ngắn (khoảng 80 chữ Hán) với chủ đề: 我的生活 (cuộc sống của em) (3 điểm)**

**ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM**

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Trắc nghiệm</b>		<b>2.0</b>	
Câu 1 – 10	A	0.2	
<b>II. Tự luận</b>		<b>8.0</b>	
Câu 1	1.1 我想在附近玩儿一玩儿。 1.2 大家一直玩儿到十一点多才结束。 1.3 老师领进来一个新同学。 1.4 门口停着一辆出租车。 1.5 墙上挂着一幅地图。	2.0	
Câu 2	Câu đúng ngữ nghĩa, ngữ pháp.	3.0	
Câu 3	Đoạn văn đúng chủ đề, các câu có sự liên kết với nhau về nghĩa.	3.0	
<b>Điểm tổng</b>		<b>10.0</b>	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2024  
Giảng viên ra đề



**TS. Phạm Đình Tiến**

**ThS. Hà Thị Minh Trang**